



# 1155-2 Series

## BÁNH XE CÀNG NHỰA STAT

全塑-2系列

- ◉ 無污染 ◉ 超靜音 ◉ 防生鏽 ◉ 彈性佳
- ◉ 低阻力 ◉ 轉動靈活 ◉ 耐衝材質 ◉ 專利產品
- ◉ 產品輕量化且堅固耐用
- ◉ 可另選購有抗菌效果之全效輪或TPR輪
- ◉ 適用於醫療器材設備、傢俱置物架、食品工廠、學校、辦公室等場所。
- ◉ Không ô nhiễm ◉ Không tạo tiếng động ◉ Chống gỉ sét ◉ Đàn hồi cao
- ◉ Ma sát thấp ◉ Xoay chuyển linh hoạt ◉ Chịu va đập ◉ Sản phẩm có bằng sáng chế
- ◉ Sản phẩm nhẹ, chắc và bền
- ◉ Có thể lựa chọn bánh xe TPR hoặc bánh xe Resolute có tính kháng khuẩn
- ◉ Thích hợp sử dụng cho thiết bị y tế, kệ để đồ, nhà máy thực phẩm, trường học và văn phòng



### ► Đặc điểm 特色區



Khóa kẹp  
雙煞



Khóa đa hướng  
定向煞



Bàn đạp dài  
長踏板



Bàn đạp siêu dài  
超長踏板



Bánh xe  
không từ tính  
無磁腳輪

\*Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa. Vui lòng tham khảo sản phẩm thực tế.  
\*圖片僅供示意, 請以實際產品為主

### ► Vật liệu bánh xe 輪子選項



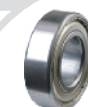
Bánh Resolute  
經典全效輪



Bánh TPR lõi PP  
經典超級人造膠



Bánh TPR lõi PP (Donut)  
超級人造膠(大圓弧)



Ó bi  
滾珠軸承



Ống trục/  
Ống bạc  
中管

\*Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa. Vui lòng tham khảo sản phẩm thực tế.  
\*圖片僅供示意, 請以實際產品為主



» Quy cách tấm lắp 底板規格

Quy cách 規格	Kích thước tấm lắp 底板尺寸	Khoảng cách các lỗ lắp 底板孔距	Kích thước bu lông 安裝尼帽尺寸
3" 4"	42X42mm (1-21/32"x1-21/32")	32X32mm (1-1/4"x1-1/4")	M4/M5
	60X60mm (2-3/8"x2-3/8")	42.5X42.5mm (1-11/16"x1-11/16")	M6
	59X73mm (2-5/16"x2-7/8")	39.3X53mm (1-9/16"x2-1/16")	M6/M8
	62X94mm (2-7/16"x3-11/16")	45X75mm(高級底板) (1-3/4"x2-15/16")	M6/M8
	69X96mm (2-11/16"x3-3/4")	49X74.5mm(斜孔底板) (2-1/8"x3")	M8

» Quy cách trục trơn 插桿規格

Quy cách 規格	Đường kính x Độ dài trục trơn 插桿直徑 x 長度	Độ cao lỗ lắp 孔位高度	Kích thước lỗ lắp 孔尺寸
3" 4"	φ11 x 22L	—	Vòng chữ C (C型環)
	φ12 x 25L	17 mm	6.3 mm

» Quy cách trục ren 絲扣規格

Quy cách 規格	Đường kính ren x Độ dài trục ren 絲扣牙徑 x 長度	Quy cách 規格	Đường kính ren x Độ dài trục ren 絲扣牙徑 x 長度
3" 4"	M10X15mm	3" 4"	M12X15mm
	M10X20mm		M12X20mm
	M10X25mm		M12X25mm
	3/8-16UNC x 25 mm		1/2-12UNC x 25 mm

Đường kính Bề rộng bánh xe 輪徑 x 輪寬	Quy cách 規格	Tải trọng 載重	Vật liệu bánh xe 材質	Mã sản phẩm 型號			Ổ lăn bánh xe 軸承	Tổng chiều cao 總高	Lệch tâm 偏心距	Bán kính xoay 迴旋半徑		
				Càng xoay 活動	Khóa kép 雙剎	Khóa đa hướng 定向剎						
100mmx24mm (4"x15/16")	Tấm lắp 四角底板	50kgs (110lbs)	Bánh TPR lõi PP kinh điển 經典超級人造膠	1155-0402-75-2	1155-0402-75-4	1155-0402-75-9	Ổ bi 滾珠軸承	145.5mm	Bánh xe xoay 活動 36mm	Xoay 86mm Khóa (bàn đạp ngắn) 112mm Khóa (bàn đạp dài) 123mm Khóa (bàn đạp siêu dài) 166mm		
		50kgs (110lbs)	Bánh xe Resolute kinh điển 經典全效輪	1155-0402-68-2	1155-0402-68-4	1155-0402-68-9	Ổ bi 滾珠軸承					
		50kgs (110lbs)	Bánh TPR lõi PP kinh điển 經典超級人造膠	1155-0402-75-2	1155-0402-75-4	1155-0402-75-9	Ổ trục/ Ổng bạc 中管					
		50kgs (110lbs)	Bánh TPR lõi PP kinh điển 經典超級人造膠	1155-0402-75-2	1155-0402-75-4	1155-0402-75-9	Ổ trục/Ổng bạc (Không nắp bụi) 中管(無防塵蓋)					
100mmx31mm (4"x1-1/4")		50kgs (110lbs)	Bánh TPR lõi PP kinh điển 經典超級人造膠	1155-0402-75-2	1155-0402-75-4	1155-0402-75-9	Ổ bi 滾珠軸承			145.5mm	Bánh xe xoay có khóa toàn bộ 活煞 46mm	活動86mm 煞車(短踏板) 112mm 煞車(長踏板) 123mm 煞車(超長踏板) 136mm
		50kgs (110lbs)	Bánh xe Resolute kinh điển 經典全效輪	1155-0402-68-2	1155-0402-68-4	1155-0402-68-9	Ổ bi 滾珠軸承					
		50kgs (110lbs)	Bánh TPR lõi PP kinh điển 經典超級人造膠	1155-0402-75-2	1155-0402-75-4	1155-0402-75-9	Ổ trục/ Ổng bạc 中管					
		50kgs (110lbs)	Bánh TPR lõi PP kinh điển 經典超級人造膠	1155-0402-75-2	1155-0402-75-4	1155-0402-75-9	Ổ trục/Ổng bạc (Không nắp bụi) 中管(無防塵蓋)					



Đường kính Bề rộng bánh xe 輪徑 x 輪寬	Quy cách 規格	Tải trọng 載重	Vật liệu bánh xe 材質	Mã sản phẩm 型號			Ổ lăn bánh xe 軸承	Tổng chiều cao 總高	Lệch tâm 偏心距	Bán kính xoay 迴旋半徑
				Càng xoay 活動	Khóa kép 雙剎	Khóa đa hướng 定向剎				
100mmx24mm (4"x15/16")	Trục ren 絲扣	50kgs (110lbs)	Bánh TPR lõi PP kính điển 經典超級人造膠	1155-0402-75-2	1155-0402-75-4	1155-0402-75-9	Ổ bi 滾珠軸承	139mm	Bánh xe xoay 活動 36mm	Xoay 86mm Khóa (bàn đạp ngắn) 112mm Khóa (bàn đạp dài) 123mm Khóa (bàn đạp siêu dài) 166mm
		50kgs (110lbs)	Bánh xe Resolute kính điển 經典全效輪	1155-0402-68-2	1155-0402-68-4	1155-0402-68-9	Ổ bi 滾珠軸承			
		50kgs (110lbs)	Bánh TPR lõi PP kính điển 經典超級人造膠	1155-0402-75-2	1155-0402-75-4	1155-0402-75-9	Ổng trước/ Ổng bạc 中管			
		50kgs (110lbs)	Bánh TPR lõi PP kính điển 經典超級人造膠	1155-0402-75-2	1155-0402-75-4	1155-0402-75-9	Ổng trước/Ổng bạc (Không nắp bụi) 中管(無防塵蓋)			
100mmx31mm (4"x1-1/4")		50kgs (110lbs)	Bánh TPR lõi PP kính điển 經典超級人造膠	1155-0402-75-2	1155-0402-75-4	1155-0402-75-9	Ổ bi 滾珠軸承			
		50kgs (110lbs)	Bánh xe Resolute kính điển 經典全效輪	1155-0402-68-2	1155-0402-68-4	1155-0402-68-9	Ổ bi 滾珠軸承			
		50kgs (110lbs)	Bánh TPR lõi PP kính điển 經典超級人造膠	1155-0402-75-2	1155-0402-75-4	1155-0402-75-9	Ổng trước/ Ổng bạc 中管			
		50kgs (110lbs)	Bánh TPR lõi PP kính điển 經典超級人造膠	1155-0402-75-2	1155-0402-75-4	1155-0402-75-9	Ổng trước/Ổng bạc (Không nắp bụi) 中管(無防塵蓋)			
100mmx24mm (4"x15/16")	Trục trơn 插桿	50kgs (110lbs)	Bánh TPR lõi PP kính điển 經典超級人造膠	1155-0402-75-2	1155-0402-75-4	1155-0402-75-9	Ổ bi 滾珠軸承	139mm	Bánh xe xoay có khóa toàn bộ 活煞 46mm	Hoạt động 86mm 煞車 (短踏板) 112mm 煞車 (長踏板) 123mm 煞車 (超長踏板) 136mm
		50kgs (110lbs)	Bánh xe Resolute kính điển 經典全效輪	1155-0402-68-2	1155-0402-68-4	1155-0402-68-9	Ổ bi 滾珠軸承			
		50kgs (110lbs)	Bánh TPR lõi PP kính điển 經典超級人造膠	1155-0402-75-2	1155-0402-75-4	1155-0402-75-9	Ổng trước/ Ổng bạc 中管			
		50kgs (110lbs)	Bánh TPR lõi PP kính điển 經典超級人造膠	1155-0402-75-2	1155-0402-75-4	1155-0402-75-9	Ổng trước/Ổng bạc (Không nắp bụi) 中管(無防塵蓋)			
100mmx31mm (4"x1-1/4")		50kgs (110lbs)	Bánh TPR lõi PP kính điển 經典超級人造膠	1155-0402-75-2	1155-0402-75-4	1155-0402-75-9	Ổ bi 滾珠軸承			
		50kgs (110lbs)	Bánh xe Resolute kính điển 經典全效輪	1155-0402-68-2	1155-0402-68-4	1155-0402-68-9	Ổ bi 滾珠軸承			
		50kgs (110lbs)	Bánh TPR lõi PP kính điển 經典超級人造膠	1155-0402-75-2	1155-0402-75-4	1155-0402-75-9	Ổng trước/ Ổng bạc 中管			
		50kgs (110lbs)	Bánh TPR lõi PP kính điển 經典超級人造膠	1155-0402-75-2	1155-0402-75-4	1155-0402-75-9	Ổng trước/Ổng bạc (Không nắp bụi) 中管(無防塵蓋)			